

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 59 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2023
V/v Tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Hòa**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Vĩ**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 2002; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện S, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Tạ Văn T1, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện S, TP .; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện S, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2021 tại trụ sở UBND xã H, huyện S, thành phố Hà Nội. Sau khi đăng ký kết hôn, chị về sống cùng gia đình anh T1 ở thôn N, xã H được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 chơi bời lêu lổng, không chịu làm ăn, không tôn trọng, không quan tâm chăm sóc chị, đồng thời do hai bên bất đồng quan điểm sống nên chị không thể hòa hợp với chồng và gia đình chồng. Từ tháng 01/2022 đến nay chị đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn H, xã H. Vợ chồng anh chị ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân cũng là thời gian chị mang thai và sinh con, anh T1 và gia đình không quan tâm, chăm sóc, hỏi han, chu cấp kinh tế để chị dưỡng thai và sinh con. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là Tạ Trúc A, sinh ngày 01/11/2022. Chị và cháu T2 A đang sống cùng bố mẹ chị ở thôn H, xã H. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trúc A cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức đóng góp, vay nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qu, tr×nh giải quyết vụ án, anh Tạ Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập yêu cầu anh đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn để cung cấp lời khai về nội dung vụ án cũng như trình bày quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh đã vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh T1 để làm việc nhưng anh T1 vắng nhà nên Tòa án không ghi được lời khai của anh và không tiến hành hòa giải cho anh chị được.

Ngày 21/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn ban hành Quyết định yêu cầu Công an xã H cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú của anh Tạ Văn T1. Tại Xác nhận thông tin về cư trú của anh T1 ngày 21/7/2023 do Công an xã H cung cấp thể hiện: Anh Tạ Văn T1, sinh ngày 06/11/1995 có nơi thường trú tại H, H, S, Hà Nội; Nơi tạm trú: Không; Nơi ở hiện tại: H, H, S, Hà Nội.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/7/2023, mẹ anh T1 là bà Hoàng Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Tạ Văn T1. Vợ chồng bà và anh T1 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H, huyện S nhưng thực tế anh T1 sống cùng vợ chồng bà tại thôn N, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội. Năm 2021 anh T1 làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị T, sau đó chị T về sống cùng anh T1 và vợ chồng bà tại thôn N, xã H, S, Hà Nội. Vợ chồng anh chị chung sống cùng ông bà được khoảng hơn 01 tháng rồi chị T về ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn H, xã H. Trong thời gian chị T có thai và sinh cháu Trúc A, gia đình bà có đến thăm nom để đón chị T và cháu T2 A về nhưng chị T không đồng ý nên vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Hiện nay hai bên gia đình đã không còn tiếng nói chung. Anh T1 bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc được chứ không phải anh T1 chống đối gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho cả hai bên đương sự.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 và giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

§1i diỒn ViỒn kiỒm s,t tham gia phi^n toạ ph,t biỒu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án, giao thông báo thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định pháp luật; Vụ án được giải quyết

đúng thời hạn; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định:

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T, cho chị T được ly hôn anh Tạ Văn T1.

- Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Tạ Trúc A, sinh ngày 01/11/2022 đến khi cháu thành niên (18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ vấp dưỡng nuôi con cho anh T1 do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản, nhà đất, công sức, nợ: Không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP . nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn trong vụ án là anh Tạ Văn T1 cư trú tại: xã H, huyện S, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Tạ Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2021 tại trụ sở UBND xã H, huyện S, thành phố Hà Nội nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh biết việc Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đang thụ lý giải quyết đơn xin ly hôn của chị T đối với anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai cũng như bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh T1 nhưng anh không có nhà nên Tòa án không ghi được lời khai và không có căn cứ xem xét nguyện vọng của anh.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh chị cũng như trình bày của đương sự được biết: Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ chung sống được khoảng 01 tháng rồi phát sinh mâu thuẫn, sau đó chị T đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ. Mặc dù anh chị đã tự hòa giải và được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị đã không còn gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bản thân anh T1 có thái độ thờ ơ, không thực sự chủ động, tích cực bảo vệ cuộc hôn nhân của mình, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, không chấp hành các giấy triệu tập của tòa án, không đến Tòa án làm việc cũng không gửi bản tự khai trình bày quan điểm, nguyện vọng đối với yêu cầu xin được ly hôn của chị T. Như vậy có thể thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Tạ Văn T1 có 01 con chung là Tạ Trúc A, sinh ngày 01/11/2021. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A. Xét yêu cầu về người trực tiếp nuôi con của chị T và các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu A hiện đang sống cùng chị T, chị T hiện có công việc, có thu nhập và đang được bố mẹ đẻ là ông H, bà C phụ giúp chăm sóc cháu A. Cháu A thuộc trường hợp “con dưới 36 tháng tuổi”, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Tạ Trúc A cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Anh chị kh«ng ®Ò nghÞ nên Tòa án kh«ng xem xét giải quyết.

[5] V□□N PH□ Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

VÌ CÁC LỄ TRÊN.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xö:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng T, cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Tạ Văn T1.

2. Về con chung: Xác định chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Tạ Văn T1 có 01 con chung là Tạ Trúc A, sinh ngày 01/11/2021.

Giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp công sức đóng góp, nợ chung: Chị T, anh T1 không đề nghị nờn Tũa ỏn khụng giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0005833 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của C1 cục T3 hành án Dân sự huyện Sóc Sơn, TP ..

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tạ Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

N-i nhËn:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Sóc Sơn, Hà Nội;
- UBND xã Hiền Ninh;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hòa